TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NÚI THÀNH** **TỈNH QUẢNG NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/KDTM-ST
Ngày: 20-10-2017.
V/v "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng xây dựng và dịch vụ"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Cúc.

2/ Ông Dương Minh Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kiều Hoanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

Ngày 20/10/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 10/2017/TLST-KDTM ngày 04/8/2017 về việc "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng dịch vụ và xây dựng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017QĐST-KDTM ngày 13/9/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09A/2017/QĐST-KDTM, ngày 28/9/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Q. Địa chỉ: Số 86-88 đường P, thành phố T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Đức T, chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn H, chức vụ: Phó Tổng giám đốc.

- *Bị đơn*: Công ty Cổ phần sản xuất S; Địa chỉ: Khu công nghiệp T, huyện N, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thái D, chức vụ: Tổng giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, đại diện Công ty Cổ phần cấp thoát nước Q trình bày:

+ Vào ngày 30/8/2011, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Q ký hợp đồng xây lắp số 039/2011/SĐCL-HĐXL với Công ty Cổ phần sản xuất S để thi công các hạng mục: Trạm nước tuần hoàn, trạm khử nước muối. Giá trị hợp đồng và Phụ lục hợp đồng là 5.509.728.000 đồng.

Sau khi thi công, ngày 28/8/2014 hai bên thống nhất ký Hồ sơ tổng quyết toán giá trị công trình là 5.044.457.001 đồng. Công ty Cổ phần sản xuất S đã thanh toán cho Công ty Cổ phần cấp thoát nước Q 3.880.883.840 đồng, còn nợ 1.163.573.161 đồng đến nay chưa thanh toán.

+ Vào ngày 15/01/2015, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Q ký hợp đồng dịch vụ cấp nước số 01NT/HĐ-NT với Công ty Cổ phần sản xuất S. Theo đó, sản phẩm mà Công ty Cổ phần cấp thoát nước Q cung cấp cho Công ty Cổ phần S là nước thô được khai thác từ hồ Thái Xuân, sơ lắng tại bể chứa nước Tam Hiệp với đơn giá 1.750 đồng/m^3 , sau 3 tháng kể từ ngày cung cấp, giá nước tăng thêm 600 đồng/m^3 thành 2.350 đồng/m^3.

Đến ngày 31/7/2016, tổng giá trị nước thô Công ty Cổ phần cấp thoát nước Q cung cấp cho Công ty Cổ phần sản xuất S là 5.368.158.074 đồng, đã thanh toán 3.620.379.824 đồng, còn nợ 1.747.778.250 đồng.

Công ty Cổ phần cấp thoát nước Q đã làm việc với Công ty Cổ phần S nhiều lần nhưng không thu hồi nợ được. Vì vậy, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Q khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Núi Thành buộc Công ty Cổ phần sản xuất S trả tổng số tiền nợ của hai hợp đồng trên là 3.204.445.849 đồng. Trong đó nợ gốc: 2.911.351.411 đồng, nợ lãi: 293.094.438 đồng.

- Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập cũng như tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị Công ty Cổ phần sản xuất S vẫn vắng mặt, không đến Tòa án để giải quyết vụ án và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

I. Về tố tụng:

- Công ty Cổ phần cấp thoát nước Q khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần sản xuất S thanh toán cho Công ty Cổ phần cấp thoát nước Q tổng số tiền nợ của 02 (Hai) hợp đồng trên là 3.204.445.849 đồng. Trong đó nợ gốc: 2.911.351.411 đồng, nợ lãi: 293.094.438 đồng. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp nghĩa

vụ thanh toán trong hợp đồng dịch vụ và xây dựng" là đúng với quy định của pháp luật.

-Bị đơn Công ty Cổ phần sản xuất S, người đại diện theo pháp luật ông Nguyễn Thái D đã được triệu tập hợp lệ tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 và 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vụ án là đúng với quy định của pháp luật.

II. Về nội dung

1 Đối với số nợ gốc:

+ Ngày 30/8/2011, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Q ký hợp đồng xây lắp số 039/2011/SĐCL-HĐXL với Công ty Cổ phần sản xuất S để thi công các hạng mục: Trạm nước tuần hoàn, trạm khử nước muối. Sau khi ký kết, hợp đồng đã được Công ty Cổ phần cấp thoát nước Q thực hiện như hai bên đã thỏa thuận.

Đến ngày 28/8/2014, hai bên thống nhất ký Hồ sơ tổng quyết toán, giá trị công trình là 5.044.457.001 đồng. Công ty Cổ phần sản xuất S đã thanh toán cho Công ty Cổ phần cấp thoát nước Q 3.880.883.840 đồng, còn nợ 1.163.573.161 đồng (Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2015).

+ Ngày 15/01/2015, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Q ký hợp đồng dịch vụ cấp nước số 01NT/HĐ-NT với Công ty Cổ phần sản xuất S. Đến ngày 31/7/2016, tổng giá trị nước thô Công ty Cổ phần cấp thoát nước Q cung cấp cho Công ty cổ phần S là 5.368.158.074 đồng, đã thanh toán 3.620.379.824 đồng, còn nợ 1.747.778.250 đồng (Biên bản đối chiếu công nợ ngày 04/10/2016).

Hợp đồng xây dựng và hợp đồng dịch vụ cấp nước do Công ty Cổ phần cấp thoát nước Q và Công ty cổ phần S tự nguyện thỏa thuận và ký kết, phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Do không thanh toán số tiền còn nợ, nên Công ty Cổ phần sản xuất S đã vi phạm hợp đồng về điều khoản thanh toán, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Q có quyền khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Núi Thành để yêu cầu giải quyết là đúng pháp luật nên chấp nhận. Số tiền nợ gốc của hai hợp đồng Công ty cổ phần sản xuất S phải thanh toán cho Công ty Cổ phần cấp thoát nước Q là 2.911.351.411 đồng.

2. Về yêu cầu tính lãi của Công ty Cổ phần cấp thoát nước Q:

Do Công ty Cổ phần sản xuất S không thanh toán các khoản nợ, nên Công ty cấp thoát nước Q yêu cầu tính lãi từ ngày Công ty Cổ phần sản xuất S trả tiền lần cuối đến ngày 12/7/2017 theo đúng các Hợp đồng, với mức lãi suất là 8,5%/năm trên tổng số tiền chưa thanh toán, thấp hơn mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước quy định năm 2017 là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Cụ thể:

+ Hợp đồng số 039/2011/SĐCL-HĐXL, ngày 30/8/2011 là: Tiền lãi tính ngày 12/7/2017 là 165.291.146 đồng.

+ Hợp đồng số 01NT/HĐ-NT, ngày 15/01/2015 là: Tiền lãi tính đến tính ngày 12/7/2017 là 127.803.292 đồng.

3. Về án phí:

Công ty cổ phần sản xuất S phải chịu án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm là 96.088.917 đồng.

Trả lại 96.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho Công ty Cổ phần cấp thoát nước Q.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 85; Điều 87 và Điều 306 Luật thương mại;

- Áp dụng các Điều 280; Điều 385; Điều 401; Điều 519 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần cấp thoát nước Q đối với Công ty cổ phần sản xuất S về việc "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng xây dựng và dịch vụ".

Buộc Công ty cổ phần sản xuất S phải thanh toán cho Công ty Cổ phần cấp thoát nước Q số tiền còn nợ là 3.204.445.849 đồng. Trong đó: Nợ gốc 2.911.351.411 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán đến ngày 12/7/2017 là 293.094.438 đồng, theo 02 (hai) hợp đồng cụ thể như sau:

+ Hợp đồng số 039/2011/SĐCL-HĐXL, ngày 30/8/2011 là: Nợ gốc 1.163.573.161 đồng, tiền lãi tính đến ngày 12/7/2017 là 165.291.146 đồng.

+ Hợp đồng số 01NT/HĐ-NT, ngày 15/01/2015 là: Nợ gốc 1.747.778.250 đồng, tiền lãi tính đến ngày 12/7/2017 là 127.803.292 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10% tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

+ Về án phí Kinh doanh - Thương mại:

Công ty Cổ phần sản xuất S phải chịu án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm là 96.088.917đ.

Trả lại số tiền 96.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho Công ty Cổ phần cấp thoát nước Q theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001516 ngày 01/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Núi Thành;
- Cơ quan THADS huyện Núi Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Công Thắng

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÚI THÀNH
TỈNH QUẢNG NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 16/2017/KDTM-ST
Ngày: 20-10-2017.
V/v "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng xây dựng và dịch vụ"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÚI THÀNH, TỈNH QUẢNG NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Công Thắng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà Nguyễn Thị Kim Cúc.

2/ Ông Dương Minh Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kiều Hoanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Núi Thành.

Ngày 20/10/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 10/2017/TLST-KDTM ngày 04/8/2017 về việc "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng dịch vụ và xây dựng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2017QĐST-KDTM ngày 13/9/2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09A/2017/QĐST-KDTM, ngày 28/9/2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty Cổ phần cấp thoát nước Quảng Nam. Địa chỉ: Số 86-88 đường Phan Bội Châu, thành phố Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Đức Trung, chức vụ: Tổng giám đốc; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu Y, chức vụ: Phó Tổng giám đốc.

- *Bị đơn*: Công ty Cổ phần sản xuất Sô đa Chu Lai. Địa chỉ: Khu công nghiệp Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thái Dũng, chức vụ: Tổng giám đốc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, đại diện Công ty Cổ phần cấp thoát nước Quảng Nam trình bày:

+ Vào ngày 30/8/2011, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Quảng Nam ký hợp đồng xây lắp số 039/2011/SĐCL-HĐXL với Công ty Cổ phần sản xuất Sô đa Chu Lai để thi công các hạng mục: Trạm nước tuần hoàn, trạm khử nước muối. Giá trị hợp đồng và Phụ lục hợp đồng là 5.509.728.000 đồng.

Sau khi thi công, ngày 28/8/2014 hai bên thống nhất ký Hồ sơ tổng quyết toán giá trị công trình là 5.044.457.001 đồng. Công ty Cổ phần sản xuất sô đa Chu Lai đã thanh toán cho Công ty Cổ phần cấp thoát nước Quảng Nam 3.880.883.840 đồng, còn nợ 1.163.573.161 đồng đến nay chưa thanh toán.

+ Vào ngày 15/01/2015, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Quảng Nam ký hợp đồng dịch vụ cấp nước số 01NT/HĐ-NT với Công ty Cổ phần sản xuất sô đa Chu Lai. Theo đó, sản phẩm mà Công ty Cổ phần cấp thoát nước Quảng Nam cung cấp cho Công ty Cổ phần sản xuất sô đa Chu Lai là nước thô được khai thác từ hồ Thái Xuân, sơ lắng tại bể chứa nước Tam Hiệp với đơn giá 1.750 đồng/m^3 , sau 3 tháng kể từ ngày cung cấp, giá nước tăng thêm 600 đồng/m^3 thành 2.350 đồng/m^3.

Đến ngày 31/7/2016, tổng giá trị nước thô Công ty Cổ phần cấp thoát nước Quảng Nam cung cấp cho Công ty Cổ phần sản xuất sô đa Chu Lai là 5.368.158.074 đồng, đã thanh toán 3.620.379.824 đồng, còn nợ 1.747.778.250 đồng.

Công ty Cổ phần cấp thoát nước Quảng Nam đã làm việc với Công ty Cổ phần sản xuất sô đa Chu Lai nhiều lần nhưng không thu hồi nợ được. Vì vậy, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Quảng Nam khởi kiện, đề nghị Tòa án nhân dân huyện Núi Thành buộc Công ty Cổ phần sản xuất sô đa Chu Lai trả tổng số tiền nợ của hai hợp đồng trên là 3.204.445.849 đồng. Trong đó nợ gốc: 2.911.351.411 đồng, nợ lãi: 293.094.438 đồng.

- Đối với bị đơn, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập cũng như tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng bị Công ty Cổ phần sản xuất sô đa Chu Lai vẫn vắng mặt, không đến Tòa án để giải quyết vụ án và không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình. Vì vậy, Tòa án tiếp tục giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử xét thấy:

I. Về tố tụng:

-Trong vụ án này, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Quảng Nam khởi kiện yêu cầu Công ty Cổ phần sản xuất sô đa Chu Lai thanh toán cho Công ty Cổ phần cấp thoát nước Quảng Nam tổng số tiền nợ của 02 (Hai) hợp đồng trên là 3.204.445.849 đồng. Trong đó nợ gốc: 2.911.351.411 đồng, nợ lãi: 293.094.438 đồng. Tòa án xác định quan hệ pháp luật là "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng dịch vụ và xây dựng" là đúng với quy định của của pháp luật.

-Bị đơn Công ty Cổ phần sản xuất sô đa Chu Lai: Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Thái Dũng đã được triệu tập hợp lệ tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 và 229 của Bộ luật Tố tụng Dân sự để xét xử vụ án là đúng với quy định của pháp luật.

II. Về nội dung

1 Đối với số nợ gốc:

+ Ngày 30/8/2011, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Quảng Nam ký hợp đồng xây lắp số 039/2011/SĐCL-HĐXL với Công ty Cổ phần sản xuất sô đa Chu Lai để thi công các hạng mục: Trạm nước tuần hoàn, trạm khử nước muối. Sau khi ký kết, hợp đồng đã được Công ty Cổ phần cấp thoát nước thực hiện như hai bên đã thỏa thuận.

Đến ngày 28/8/2014, hai bên thống nhất ký Hồ sơ tổng quyết toán, giá trị công trình là 5.044.457.001 đồng. Công ty Cổ phần sản xuất sô đa Chu Lai đã thanh toán cho Công ty Cổ phần cấp thoát nước Quảng Nam 3.880.883.840 đồng, còn nợ 1.163.573.161 đồng (Biên bản đối chiếu công nợ ngày 31/12/2015).

+ Ngày 15/01/2015, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Quảng Nam ký hợp đồng dịch vụ cấp nước số 01NT/HĐ-NT với Công ty Cổ phần sản xuất sô đa Chu Lai. Đến ngày 31/7/2016, tổng giá trị nước thô Công ty Cổ phần cấp thoát nước Quảng Nam cung cấp cho Công ty cổ phần sô đa Chu Lai là 5.368.158.074 đồng, đã thanh toán 3.620.379.824 đồng, còn nợ 1.747.778.250 đồng (Biên bản đối chiếu công nợ ngày 04/10/2016).

Hợp đồng xây dựng và hợp đồng dịch vụ cấp nước do Công ty Cổ phần cấp thoát nước Quảng Nam và Công ty cổ phần sô đa Chu Lai tự nguyện thỏa thuận và ký kết, phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Do không thanh toán số tiền còn nợ, nên Công ty Cổ phần sản xuất sô đa Chu Lai đã vi phạm hợp đồng về điều khoản thanh toán, Công ty Cổ phần cấp thoát nước Quảng Nam có quyền khởi kiện đến Tòa án nhân dân huyện Núi Thành để yêu cầu giải quyết là đúng pháp luật nên chấp nhận. Số tiền nợ gốc của hai hợp đồng Công ty cổ phần sản xuất sô đa Chu Lai phải thanh toán cho Công ty Cổ phần cấp thoát nước Quảng Nam là 2.911.351.411 đồng.

2. Về yêu cầu tính lãi của Công ty Cổ phần cấp thoát nước Quảng Nam:

Do Công ty Cổ phần sản xuất sô đa Chu Lai không thanh toán các khoản nợ, nên Công ty cấp thoát nước Quảng Nam yêu cầu tính lãi từ ngày Công ty Cổ phần sản xuất sô đa Chu Lai trả tiền lần cuối đến ngày 12/7/2017 theo đúng các Hợp đồng, với mức lãi suất là 8,5%/năm trên tổng số tiền chưa thanh toán, thấp hơn

mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà Nước quy định năm 2017 là chính đáng, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận. Cụ thể:

+ Hợp đồng số 039/2011/SĐCL-HĐXL, ngày 30/8/2011 là: Tiền lãi tính ngày 12/7/2017 là 165.291.146 đồng.

+ Hợp đồng số 01NT/HĐ-NT, ngày 15/01/2015 là: Tiền lãi tính đến tính ngày 12/7/2017 là 127.803.292 đồng.

3. Về án phí:

Công ty cổ phần sản xuất Sô đa Chu Lai phải chịu án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm là 96.088.917 đồng.

Trả lại 96.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho Công ty Cổ phần cấp thoát nước Quảng Nam.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Khoản 1 Điều 85; Điều 87 và Điều 306 Luật thương mại;

- Áp dụng các Điều 280; Điều 385; Điều 401; Điều 519 Bộ luật dân sự;

- Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày ngày 30 tháng 12 năm 2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần cấp thoát nước Quảng Nam đối với Công ty cổ phần sản xuất Sô đa Chu Lai về việc "Tranh chấp nghĩa vụ thanh toán trong hợp đồng xây dựng và dịch vụ".

Buộc Công ty cổ phần sản xuất Sô đa Chu Lai phải thanh toán cho Công ty Cổ phần cấp thoát nước Quảng Nam số tiền còn nợ là 3.204.445.849 đồng. Trong đó: Nợ gốc 2.911.351.411 đồng, tiền lãi do chậm thanh toán đến ngày 12/7/2017 là 293.094.438 đồng, theo 02 (hai) hợp đồng cụ thể như sau:

+ Hợp đồng số 039/2011/SĐCL-HĐXL, ngày 30/8/2011 là: Nợ gốc 1.163.573.161 đồng, tiền lãi tính đến ngày 12/7/2017 là 165.291.146 đồng.

+ Hợp đồng số 01NT/HĐ-NT, ngày 15/01/2015 là: Nợ gốc 1.747.778.250 đồng, tiền lãi tính đến ngày 12/7/2017 là 127.803.292 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất 10% tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

+ Về án phí Kinh doanh - Thương mại:

Công ty Cổ phần sản xuất Sô đa Chu Lai phải chịu án phí Kinh doanh Thương mại sơ thẩm là 96.088.917đ.

Trả lại số tiền 96.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí cho Công ty Cổ phần cấp thoát nước Quảng Nam theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0001516 ngày 01/8/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo gửi lên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam để yêu cầu xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**